TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quãng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.
2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện E, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện E, tỉnh Bình Dương.

Chị D và anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày*: Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện E. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 19/01/2015. Hiện con chung đang chung sống với chị tại A, xã B, huyện E, tỉnh Bình Dương. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chung sống không hợp nhau, thường xuyên cải vã nhau, không tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng và luôn bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống nên vào tháng 04/2018 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống từ đó cho đến nay. Hiện tại chị thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn N, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thái T trình bày*: Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D; giao con cho chị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thái T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và chị Nguyễn Thị Mỹ D có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Thái T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị D yêu cầu ly hôn, do chị và anh T không hợp nhau, thường xuyên cải vã nhau, không tin tưởng lẫn nhau và luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện tại chị và anh T không còn sống chung nhà hơn nữa không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ anh T không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân anh không tìm cách hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị D và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 19/01/2015, riêng anh T không ý kiến. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân cháu N sống chung với chị D đã ổn định được chị D trông nom và chăm sóc phát triển tốt. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu N cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D đối với anh Nguyện Thái T. Chị D được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ D được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 19/01/2015. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007324 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Quãng